



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

on
он

ti
ти

ja
ја

mi
ми

ono
оно

ona
она

šta
шта

oni
они

vi
ви

zašto
зашто

gde
где

ko
ко

kada
када

koji
који

kako
како

stvarno
стварно

ako
ако

onda
онда

ne
не

zato
зато

ali
али

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

svi
сви

to
то

ovo
ово

ovde
овде

i
и

ili
или

desno
десно

levo
лево

tamo
тамо

N
pre podne
пре подне

N
posle podne
после подне

sada
сада

N
veče
вече

N
jutro
јутро

F
noć
ноћ

M
sat
сат

F
ponoć
поноћ

N
podne
подне

M
dan
дан

F
sekunda
секунда

F
minuta
минута

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

F
godina
година

M
mesec
месец

F
nedelja
недеља

sutra
сутра

danas
данас

juče
јуче

F
sreda
среда

M
utorak
уторак

M
ponedeljak
понедељак

F
subota
субота

M
petak
петак

M
četrvtak
четвртак

M
muškarac
мушкарац

F
žena
жена

F
nedelja
недеља

F
devojka
девојка

M
momak
момак

F
ljubav
љубав

M
seks
секс

M
poljubac
пољубац

M
prijatelj
пријатељ

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

M
dečak
дечак

F
devojčica
девојчица

N
dete
дете

F
majka
мајка

M
tata
тата

F
mama
мама

M
sin
син

M-PL
roditelji
родитељи

M
otac
отац

M
mlađi brat
млађи брат

F
mlađa sestra
млађа сестра

F
ćerka
ћерка

M
suprug
супруг

M
stariji brat
старији брат

F
starija sestra
старија сестра

uvek
увек

svaki
сваки

F
supruga
супруга

već
већ

opet
опет

zapravo
заправо

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

više
више

najviše
највише

manje
мање

spolja
споља

vrlo
врло

niko
нико

blizu
близу

daleko
далеко

unutra
унутра

pored
поред

iznad
изнад

ispod
испод

svi
сви

nazad
назад

napred
напред

N
proleće
пролеће

drugi
други

zajedno
заједно

F
zima
зима

F
jesen
јесен

N
leto
лето

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

M
mart
март

M
februar
фeбpуap

M
januar
јануap

M
jun
јун

M
maj
мај

M
april
aпpил

M
septembar
ceптeмбap

M
avgust
aвгyст

M
jul
јyл

M
decembar
дeцeмбap

M
novembar
нoвeмбap

M
oktobar
oктoбap

jug
јyг

istok
иcтoк

sever
ceвep

odmah
oдмaх

često
чecтo

zapad
зaпaд

iako
иaкo

iznenada
изнeнaдa

Số

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

dva
два

jedan
један

nula
нула

pet
пет

četiri
четири

tri
три

osam
осам

sedam
седам

šest
шест

jedanaest
једанаест

deset
десет

devet
девет

četrnaest
четрнаест

trinaest
тринаест

dvanaest
дванаест

sedamnaest
седамнаест

šesnaest
шеснаест

petnaest
петнаест

dvadeset
двадесет

devetnaest
деветнаест

osamnaest
осамнаест

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

dvadeset šest

двадесет шест

dvadeset dva

двадесет два

dvadeset jedan

двадесет један

trideset tri

тридесет три

trideset jedan

тридесет један

trideset

тридесет

četrdeset jedan

четрдесет један

četrdeset

четрдесет

trideset sedam

тридесет седам

pedeset

педесет

četrdeset osam

четрдесет осам

četrdeset četiri

четрдесет четири

pedeset devet

педесет девет

pedeset pet

педесет пет

pedeset jedan

педесет један

šezdeset dva

шездесет два

šezdeset jedan

шездесет један

šezdeset

шездесет

sedamdeset jedan

седамдесет један

sedamdeset

седамдесет

šezdeset šest

шездесет шест

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

osamdeset
осамдесет

sedamdeset sedam
седамдесет седам

sedamdeset tri
седамдесет три

osamdeset osam
осамдесет осам

osamdeset četiri
осамдесет четири

osamdeset jedan
осамдесет један

devedeset pet
деведесет пет

devedeset jedan
деведесет један

devedeset
деведесет

sto jedan
сто један

sto
сто

devedeset devet
деведесет девет

sto pedeset jedan
сто педесет један

sto deset
сто десет

sto pet
сто пет

dvesta šest
двеста шест

dvesta dva
двеста два

dvesta
двеста

trista
триста

dvesta šezdeset dva
двеста шездесет два

dvesta dvadeset
двеста двадесет

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

trista trideset
триста тридесет

trista sedam
триста седам

trista tri
триста три

četrismo četiri
четирисмо четири

četrismo
четирисмо

trista sedamdeset tri
триста седамдесет три

četrismo osamdeset četiri
четирисмо осамдесет четири

četrismo četrdeset
четирисмо четрдесет

četrismo osam
четирисмо осам

petsto devet
петсто девет

petsto pet
петсто пет

petsto
петсто

šeststo
шестсто

petsto devedeset pet
петсто деведесет пет

petsto pedeset
петсто педесет

šeststo šesnaest
шестсто шеснаест

šeststo šest
шестсто шест

šeststo jedan
шестсто један

sedamsto dva
седамсто два

sedamsto
седамсто

šeststo šezdeset
шестсто шездесет

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

sedamsto sedamdeset
седамсто седамдесет

sedamsto dvadeset sedam
седамсто двадесет седам

sedamsto sedam
седамсто седам

osamsto osam
осамсто осам

osamsto tri
осамсто три

osamsto
осамсто

devetsto
деветсто

osamsto osamdeset
осамсто осамдесет

osamsto trideset osam
осамсто тридесет осам

devetsto četrdeset devet
деветсто четрдесет девет

devetsto devet
деветсто девет

devetsto četiri
деветсто четири

hiljadu jedan
хиљаду један

hiljadu
хиљаду

devetsto devedeset
деветсто деведесет

dve hiljade
две хиљаде

hiljadu dvesta trideset četiri
хиљаду двеста тридесет четири

hiljadu dvanaest
хиљаду дванаест

dve hiljade trista četrdeset
pet
две хиљаде триста четрдесет пет

dve hiljade dvadeset tri
две хиљаде двадесет три

dve hiljade dva
две хиљаде два

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

četiri hiljade
четири хиљаде

tri hiljade tri
три хиљаде три

tri hiljade
три хиљаде

pet hiljada šeststo
sedamdeset osam
пет хиљада шестсто седамдесет
осам

pet hiljada
пет хиљада

četiri hiljade četrdeset pet
четири хиљаде четрдесет пет

sedam hiljada osamsto
devedeset
седам хиљада осамсто деведесет

sedam hiljada
седам хиљада

šest hiljada
шест хиљада

devet hiljada
девет хиљада

osam hiljada devetsto jedan
осам хиљада деветсто један

osam hiljada
осам хиљада

deset hiljada jedan
десет хиљада један

deset hiljada
десет хиљада

devet hiljada devedeset
девет хиљада деведесет

četrdeset četiri hiljade
четрдесет четири хиљаде

trideset hiljada trista
тридесет хиљада триста

dvadeset hiljada dvadeset
двадесет хиљада двадесет

milion
милион

petsto hiljada
петсто хиљада

sto hiljada
сто хиљада

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

sedamdeset miliona
седамдесет милиона

deset miliona
десет милиона

šest miliona
шест милиона

milijarda
милијарда

osamsto miliona
осамсто милиона

sto miliona
сто милиона

dvadeset milijardi
двадесет милијарди

deset milijardi
десет милијарди

devet milijardi
девет милијарди

trilion
трилион

trista milijardi
триста милијарди

sto milijardi
сто милијарди

Động từ

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

doći
доћи

misлити
мислити

znати
знати

naći
наћи

uzeti
узети

staviti
ставити

pričati
причати

raditi
радити

slušati
слушати

pomoći
помоћи

svidati se
свиђати се

dati
дати

čekati
чекати

pozvati
позвати

voleti
волети

zatvoriti
затворити

sedeti
седети

stajati
стајати

pobediti
победити

izgubiti
изгубити

otvoriti
отворити

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

upaliti
упалити

živeti
живети

umreti
умрети

povrediti se
повредити се

ubiti
убити

ugasiti
угасити

piti
пити

gledati
гледати

dodirnuti
додирнути

upoznati
упознати

hodati
ходати

jesti
јести

pratiti
пратити

ljubiti
љубити

kladiti se
кладити се

pitati
питати

odgovoriti
одговорити

venčati se
венчати се

pritisnuti
притиснути

gurati
гурати

vući
вући

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

boriti se
борити се

uhvatiti
ухватити

udariti
ударити

čitati
читати

trčati
трчати

bacati
бацати

brojati
бројати

popraviti
поправити

pisati
писати

kupiti
купити

prodati
продати

seći
сећи

sanjati
сањати

učiti
учити

platiti
платити

slaviti
славити

igrati
играти

spavati
спавати

pucati
пуцати

čistiti
чистити

uživati
уживати

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

krasti
красти

napasti
напасти

braniti
бранити

leteti
летети

spasiti
спасити

goreti
горети

gristi
гристи

šutirati
шутирати

pljunuti
пљунути

plakati
плакати

mirisati
мирисати

disati
дисати

smejati se
смејати се

smešiti se
смешити се

pevati
певати

svađati se
свађати се

smanjiti
смањити

rasti
расти

sakriti
сакрити

hraniti
хранити

deliti
делити

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

skakati
скакати

plivati
пливати

upozoriti
упозорити

dostaviti
доставити

kopati
копати

dizati
дизати

putovati
путувати

vežbati
вежбати

tražiti
тражити

zaključati
закључати

otvoriti
отворити

slikati
сликати

kuvati
кувати

moliti se
молити се

prati
прати

citirati
цитирати

vikati
викати

povraćati
повраћати

zaraditi
зарадити

računati
рачунати

štampati
штампати

Tính từ

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

malo
мало

staro
старо

novo
ново

ispravno
исправно

pogrešno
погрешно

mnogo
много

srećan
срећан

dobar
добар

loš
лош

mali
мали

dugačak
дугачак

kratak
кратак

mlad
млад

lep
леп

veliki
велики

crna
црна

bela
бела

star
стар

zelena
зелена

plava
плава

crvena
црвена

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

brzo
брзо

sporo
споро

žuta
жута

fer
фер

nefer
нефер

smešno
смешно

bogat
богат

lako
лако

težak
тежак

slab
слаб

jak
јак

siromašan
сиромашан

ponosan
поносан

umoran
уморан

bezbedan
безбедан

zdrav
здрав

bolestan
болестан

sit
сит

visok
висок

nizak
низак

ljut
љут

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

mek
мек

kiseo
кисео

sladak
сладак

glup
глуп

sladak
сладак

tvrd
тврд

visok
висок

zauzet
заузет

lud
луд

iznenađen
изненађен

zabrinut
забринут

nizak
низак

pаметан
паметан

zao
зао

učtiv
учтив

narandžasta
наранџаста

vruć
врућ

hladno
хладно

roze
розе

braon
браон

siva
сива

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

lako
лако

teško
тешко

dosadno
досадно

žedan
жедан

gladan
гладан

usamljen
усамљен

ravan
раван

strm
стрм

tužan
тужан

dubok
дубок

širok
широк

uzak
узак

prljav
прљав

ogroman
огроман

plitak
плитак

prazan
празан

pun
пун

čist
чист

seksi
секси

jeftin
јефтин

skup
скуп

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

darežljiv
дарежљив

hrabar
храбар

lenj
лењ

glasno
гласно

suvo
суво

mokro
мокро

kišovito
кишовито

sunčano
сунчано

mirno
мирно

oblačno
облачно

maglovito
магловито

Thể thao

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

trčanje
трчање

tenis
тенис

gimnastika
гимнастика

fudbal
фудбал

golf
гольф

biciklizam
бициклизам

ronjenje
роњење

plivanje
пливање

košarka
кошарка

triatlon
триатлон

maraton
маратон

pešačenje
пешачење

boks
бокс

dizanje tegova
дизање тегова

stoni tenis
стони тенис

snoubording
сноубординг

umetničko klizanje
уметничко клизање

badminton
бадминтон

hokej na ledu
хокеј на леду

skijaško trčanje
скијашко трчање

skijanje
скијање

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

odbojka na pesku
одбојка на песку

rukomet
рукомет

odbojka
одбојка

bejzbol
бејзбол

kriket
крикет

ragbi
рагби

skokovi u vodu
скокови у воду

vaterpolo
ватерполо

američki fudbal
амерички фудбал

veslanje
веслање

jedrenje
једрење

surfovanje
сурфовање

padobranstvo
падобранство

ples
плес

joga
јога

kuglanje
куглање

poker
покер

šah
шах

balet
балет

Động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

M
konj
коњ

F
krava
крава

F
svinja
свиња

M
majmun
мајмун

F
ovca
овца

M
pas
пас

F
kokoška
кокошка

M
medved
медвед

F
mačka
мачка

F
pčela
пчела

M
leptir
лептир

F
patka
патка

F
zmija
змија

M
pauk
паук

F
riba
риба

M
zec
зец

M
miš
миш

M
tigar
тигар

M
slon
слон

M
magarac
магарац

M
lav
лав

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

M
komarac
кома́рац

F
buba
бу́ба

M
golub
голу́б

M
kit
ки́т

M
mrav
мрав

F
muva
мува

M
puž
пу́ж

M
delfin
делфин

F
ajkula
а́јкула

M
polarni medved
пола́рни ме́двед

F
panda
па́нда

F
žaba
жа́ба

M
kengur
кенгу́р

F
koala
коала

M
vuk
ву́к

M
nilski konj
ни́лски ко́њ

F
lisica
лиси́ца

F
žirafa
жира́фа

M
labud
лабу́д

M
gavran
гавра́н

M
slepi miš
сле́пи миш

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

M
pingvin
пингвин

F
sova
сова

M
galeb
галеб

M
vilin konjic
вилин коњиц

F
gusenica
гусеница

M
papagaj
папагај

M
morski konj
морски коњ

M
oktopod
октопод

F
lignja
лигња

F
kraba
краба

F
meduza
медуза

F
foka
фока

M
krokodil
крокодил

F
kornjača
корњача

M
dinosaur
диносаурус

Quốc gia

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

F
Amerika
Америка

F
Azija
Азија

F
Evropa
Европа

F
Španija
Шпанија

N
Ujedinjeno Kraljevstvo
Уједињено Краљевство

F
Afrika
Африка

F
Francuska
Француска

F
Italija
Италија

F
Švajcarska
Швајцарска

M
Singapur
Сингапур

M
Tajland
Тајланд

F
Nemačka
Немачка

M
Izrael
Израел

M
Japan
Јапан

F
Rusija
Русија

F-PL
Sjedinjene Američke Države
Сједињене Америчке Државе

F
Kina
Кина

F
Indija
Индија

M
Čile
Чиле

F
Kanada
Канада

M
Meksiko
Мексико

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

F
Južnoafrička Republika
Јужноафричка Република

F
Argentina
Аргентина

M
Brazil
Бразил

F
Libija
Либија

M
Maroko
Мароко

F
Nigerija
Нигерија

M
Egipat
Египат

M
Alžir
Алжир

F
Kenija
Кенија

F
Australija
Аустралија

M
Novi Zeland
Нови Зеланд

Cơ thể

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

F
kosa
коса

M
nos
нос

F
glava
глава

N
oko
око

N
uvo
уво

N-PL
usta
уста

N
srce
срце

N
stopalo
стопало

F
šaka
шака

F
zadnjica
задњица

M
vrat
врат

M
mozak
мозак

F
noga
нога

N
koleno
колено

N
rame
раме

F
dojka
дојка

M
stomak
стомак

F
ruka
рука

M
jezik
језик

M
zub
зуб

N-PL
leđa
леђа

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

M
nožni prst
ножни прст

M
prst
прст

F
usna
усна

F
jetra
јетра

N-PL
pluća
плућа

M
stomak
стомак

N
crevo
црево

M
bubreg
бубрег

M
živac
живац

M
obraz
образ

F
brada
брада

N
čelo
чело

M
mali prst
мали прст

M
palac
палац

F
brada
брада

M
kažiprst
кажипрст

M
srednji prst
средњи прст

M
domali prst
домали прст

F
kičma
кичма

F
peta
пета

M
nokat
нокат

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

M
skelet
скелет

F
kost
кост

M
mišić
мишић

F
bežika
бешика

M
pršljen
пршљен

N
rebro
ребро

F
vagina
вагина

F
arterija
артерија

F
vena
вена

M
testis
тестис

M
penis
пенис

F
sperma
сперма

Ngôi nhà

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

N
kupatilo
купатило

F
kuhinja
кухиња

N-PL
vrata
врата

F
bašta
башта

F
spavaća soba
спаваћа соба

F
dnevna soba
дневна соба

M
podrum
подрум

M
zid
зид

F
garaža
гаража

M
krov
кров

F-PL
stepenice
степенице

M
toilet
тоалет

F
šoljica
шољица

M
nož
нож

M
prozor
прозор

F
šolja
шоља

M
tanjir
тањир

F
čša
чаша

M
radni sto
радни сто

F
činija
чинија

F
kanta za smeće
канта за смеће

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

M
tuš
туш

N
ogledalo
огледало

M
krevet
кревет

M
sat
сат

F
slika
слика

F
sofa
софа

M
komšija
комшија

F
stolica
столица

M
sto
сто

M
tavan
таван

M
balkon
балкон

M
lift
лифт

M-PL
štipići za jelo
штапићи за јело

F
varjača
варјача

M
dimnjak
димњак

F
viljuška
виљушка

F
kašika
кашика

M
pribor za jelo
прибор за јело

M
tiganj
тигањ

M
lonac
лонац

F
kutlača
кутлача

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

F
zavesa
завеса

F
polica za knjige
полица за књиге

F
sijalica
сијалица

N
ćebe
ћебе

M
jastuk
јастук

M
dušek
душек

M
orman
орман

F
fioka
фиока

F
polica
полица

F
vaga
вага

F
metla
метла

F
kofa
кофа

M
peškir za kupanje
пешкир за купање

F
kada
када

F
korpa za veš
корпа за веш

M
peškir
пешкир

M
toalet papir
тоалет папир

M
sapun
сапун

N
poštansko sanduče
поштанско сандуче

F-PL
merdevine
мердевине

M
lavabo
лавабо

hàng rào



F
ograda
ограда

Thức ăn

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

N
mleko
млеко

M
sir
сир

N
jaje
јаје

F
kost
кост

N
meso
месо

F
riba
риба

M
šećer
шећер

M
hleb
хлеб

N
ulje
уље

F
torta
торта

F
bombona
бомбона

F
čokolada
чоколада

M
čaj
чај

F
kafa
кафа

F
voda
вода

F
salata
салата

N
vino
вино

N
pivo
пиво

M
doručak
доручак

M
dezert
дезерт

F
supa
супа

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

F
pica
пица

F
večera
вечера

M
ručak
ручак

M
jogurt
јогурт

M
puter
путер

M
sladoled
сладолед

F
šunka
шунка

M
losos
лосос

F
tunjevina
туњевина

F
ćuretina
ћуретина

F
kobasica
кобасица

F
slanina
сланина

F
svinjetina
свињетина

F
govedina
говедина

F
piletina
пилетина

F
pečurka
печурка

F
bundeva
бундева

F
jagnjetina
јагњетина

M
praziluk
празилук

M
beli luk
бели лук

M
tartuf
тартуф

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

M
slatki krompir
слатки кромпир

M
plavi patlidžan
плави патлиџан

M
đumbir
ђумбир

M
čili
чили

M
krastavac
краставац

F
šargarepa
шаргарепа

M
krompir
кромпир

M
luk
лук

F
paprika
паприка

M
brokoli
броколи

M
kupus
купус

M
karfiol
карфиол

M
bambus
бамбус

M
spanać
спанаћ

F
zelena salata
зелена салата

M
grašak
грашак

M
celer
целер

M
kukuruz
кукуруз

F
jabuka
јабука

F
kruška
крушка

M
pasulj
пасуљ

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dứa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

F
urma
урма

F
smokva
смоква

F
maslina
маслина

M
lešnik
лешник

M
badem
бадем

M
kokos
кокос

M
mango
манго

F
banana
банана

M
kikiriki
кикирики

M
ananas
ананас

M
avokado
авокадо

M
kivi
киви

F
dinja
диња

N
grožđe
грожђе

F
lubenica
лубеница

F
jagoda
јагода

F
borovnica
боровница

F
malina
малина

F
kajsija
кајсија

F
šljiva
шљива

F
trešnja
трешња

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

M
grejpfrut
грејпфрут

M
limun
лимун

F
breskva
бресква

F
nana
нана

M
paradajz
парадајз

F
narandža
наранџа

F
vanila
ванила

M
cimet
цимет

F
limun trava
лимун трава

M
kari
кари

M
biber
бибер

F
so
со

N
sirće
сирће

M
tofu
тофу

M
duvan
дуван

N
brašno
брашно

N
sojino mleko
сојино млеко

M
rezanac
резанац

F
pšenica
пшеница

M
ovas
овас

M
pirinač
пиринач

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

M
med
мед

M
orah
орех

F
soja
соја

F
američka palačinka
америчка палачинка

F
žvaka
жвака

M
džem
џем

M
mafin
мафин

M
puding
пудинг

M
kolačić
колачић

M
sok od naranđe
сок од наранџе

N
energetsko piće
енергетско пиће

F
krofna
крофна

F
kola
кола

M
milkšejk
милкшејк

M
sok od jabuke
сок од јабуке

M
rum
рум

M
koktel
коктел

F
topla čokolada
топла чоколада

M
meni
мени

F
votka
вотка

M
viski
виски

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

M
suši
суши

F
špagete
шпагете

M-PL
plodovi mora
плодови мора

N-PL
pileća krilca
пилећа крилца

M
čips
чипс

F-PL
kokice
кокице

M
majonez
мајонез

M
senf
сенф

M
pomfrit
помфрит

M
hot dog
хот дог

M
sendvič
сендвич

M
kečap
кечап

M
burger
бургер

Trường học

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

M
domaћи zadatak
домаћи задатак

F
biblioteka
библиотека

F
knjiga
књига

F
nauka
наука

F
lekcija
лекција

M
ispit
испит

N
pero
перо

N
likovno
ликовно

F
istorija
историја

drugi
други

prvi
први

F
olovka
оловка

N
istraživanje
истраживање

četvrti
четврти

treći
трећи

M
rečnik
речник

M
sportski teren
спортски терен

M
stepen
степен

F
geometrija
геометрија

F
sveska
свеска

N
polugodište
полугодиште

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

3%

100%

0%

mét khối

F
ekonomija
економија

F
filozofija
филозофија

F
politika
политика

F
matematika
математика

F
biologija
биологија

N
fizičko vaspitanje
физичко васпитање

F
hemija
хемија

F
književnost
књижевност

F
geografija
географија

F
gumica
гумица

M
lenjir
лењир

F
fizika
физика

M
lepak
лепак

M
selotejp
селотејп

F-PL
makaze
маказе

tri procenta
три процента

F
spajalica
спајалица

F
hemijska olovka
хемијска оловка

M
kubni metar
кубни метар

nula procenata
нула процената

sto procenata
сто процената

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

M
metar
метар

F
milja
миља

M
kvadratni metar
квадратни метар

M
decimetar
дециметар

M
centimetar
центиметар

M
milimetar
милиметар

N
množenje
множење

N
oduzimanje
одузимање

N
sabiranje
сабирање

F
zapremina
запремина

F
oblast
област

N
deljenje
дељење

M
trougao
троугао

M
kvadrat
квадрат

M
pravougaonik
правоугаоник

M
mililitar
милилитар

M
litar
литар

M
krug
круг

M
gram
грам

M
kilogram
килограм

F
tona
тона

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

M
levak
левак

M
mikroskop
микроскоп

M
magnet
магнет

N
predavanje
предавање

F
laboratorija
лабораторија

Thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

M
dijamant
дијамант

F
vatra
ватра

M
pepeo
пепео

F
zvezda
звезда

N
sunce
сунце

M
mesec
месец

N
jezero
језеро

F
obala
обала

F
planeta
планета

N
brdo
брдо

F
pustinja
пустиња

F
šuma
шума

F
dolina
долина

F
reka
река

F
stena
стена

M
ocean
океан

N
ostrvo
острво

F
planina
планина

M
sneg
снег

M
led
лед

N
more
море

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

M
vetar
ветар

F
kiša
киша

F
oluja
олуја

F
ruža
ружа

F
trava
трава

N
drvo
дрво

F
zemlja
земља

M
metal
метал

M
cvet
цвет

M
pesak
песак

M
ugalj
угаљ

F
lava
лава

M
satelit
сателит

F
raketa
ракета

F
glina
глина

M
kontinent
континент

M
asteroid
астероид

F
galaksija
галаксија

M
Severni pol
Северни пол

M
Južni pol
Јужни пол

M
ekvator
екватор

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

F
pećina
пећина

F
kišna šuma
кишна шума

M
potok
поток

M
glečer
глечер

F
obala
обала

M
vodopad
водопад

M
vulkan
вулкан

M
krater
кратер

M
zemljotres
земљотрес

F
magla
магла

F
poplava
поплава

F
atmosfera
атмосфера

F
munja
муња

F
grmljavina
грмљавина

F
duga
дуга

M
tajfun
тајфун

F
temperatura
температура

F
oluja
олуја

F
grana
грана

M
oblak
облак

M
uragan
ураган

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

N
stablo
стабло

M
koren
корен

M
list
лист

M
ugljen-dioksid
угљен-диоксид

F
plastika
пластика

N
seme
семе

M
kiseonik
кисеоник

N
gvožđe
гвожђе

M
atom
атом

N
srebro
сребро

N
zlato
злато

Giao thông

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

M
voz
воз

M
autobus
аутобус

M
auto
ауто

M
avion
авион

F
autobuska stanica
аутобуска станица

F
železnička stanica
железничка станица

M
bicikl
бицикл

M
kamion
камион

M
brod
брод

M
semafor
семафор

M
taksi
такси

M
motocikl
мотоцикл

M
akumulator
акумулатор

M
put
пут

N
parkiralište
паркиралиште

M
volan
волан

M
vazdušni jastuk
ваздушни јастук

M
motor
мотор

M
gepek
гепек

F
guma
гума

M
sigurnosni pojas
сигурносни појас

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

M
metro
метро

F
biletarnica
билетарница

M
automat za prodaju karata
аутомат за продају карата

M
tramvaj
трамвај

F
lokomotiva
локомотива

M
brzi voz
брзи воз

M
aerodrom
аеродром

M
minibus
минибус

M
školski autobus
школски аутобус

F
prva klasa
прва класа

M
helikopter
хеликоптер

F
avio kompanija
авио компанија

M
prsluk za spasavanje
прслук за спасавање

F
biznis klasa
бизнис класа

F
ekonomska klasa
економска класа

M
kruzer
крузер

F
podmornica
подморница

M
kontejner
контејнер

M
trajekt
трајект

F
jahta
јахта

M
kontejnerski brod
контејнерски брод

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-móc

xe tay ga

xe cáp treo

M
radar
радар

M
čamac za spasavanje
чамац за спасавање

F
luka
лука

F
benzinska stanica
бензинска станица

M
trotoar
тротоар

N
ulično svetlo
улично светло

F
gužva u saobraćaju
гужва у саобраћају

M
pešački prelaz
пешачки прелаз

N
gradilište
градилиште

M
bager
багер

M
tenk
тенк

M
autoput
аутопут

M
skuter
скутер

F
prikolica
приколица

M
traktor
трактор

F
žičara
жичара

Thành phố

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

F
kuća
кућа

F
škola
школа

F
bolnica
болница

M
supermarket
супермаркет

F
pijaca
пијаца

M
račun
рачун

F
farma
фарма

M
univerzitet
универзитет

M
stan
стан

M
bar
бар

M
restoran
ресторан

F
crkva
црква

M
toalet
тоалет

M
park
парк

F
teretana
теретана

F
policija
полиција

F
hitna pomoć
хитна помоћ

F
mapa
мапа

N
predgrađe
предграђе

F
zemlja
земља

M-PL
vatrogasci
ватрогасци

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

M
tržni centar
тржни центар

F
garancija
гаранција

N
selo
село

M
zamak
замак

M
neboder
небодер

F
apoteka
апотека

M
hram
храм

F
sinagoga
синагога

F
ambasada
амбасада

F
opština
општина

F
džamija
џамија

F
fabrika
фабрика

M
noćni klub
ноћни клуб

F
fontana
фонтана

F
pošta
пошта

M
fudbalski stadion
фудбалски стадион

M
teren za golf
терен за голф

F
klupa
клупа

F
informacija za turiste
информација за туристе

M
teniski teren
тениски терен

M
bazen
базен

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồng cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

M
muzej
музеј

F
umetnička galerija
уметничка галерија

M
kazino
казино

M
akvarijum
акваријум

M
suvenir
сувенир

M
nacionalni park
национални парк

M
vodeni park
водени парк

M
rolerkoster
ролеркостер

M
vodeni tobogan
водени тобоган

M
izlaz u slučaju opasnosti
излаз у случају опасности

N
igralište
игралиште

M
zoološki vrt
зоолошки врт

F
policijska stanica
полицијска станица

M
aparat za gašenje požara
апарат за гашење пожара

M
protivpožarni alarm
противпожарни аларм

M
glavni grad
главни град

F
regija
регија

F
država
држава

Bệnh viện

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

F
operacija
операција

M
pacijent
пацијент

F
nesreća
несрећа

M
kašalj
кашаљ

F
groznica
грозница

F
tableta
таблета

F
čekaonica
чекаоница

F
intenzivna nega
интензивна нега

F
hitna služba
хитна служба

M
datum isteka
датум истека

F-PL
tablete za spavanje
таблете за спавање

M
aspirin
аспирин

M
neželjeni efekat
нежељени ефекат

M
sirup za kašalj
сируп за кашаљ

N
doziranje
дозирање

F
kapsula
капсула

M
prašak
прашак

M
insulin
инсулин

M-PL
antibiotici
антибиотици

M
lek protiv bolova
лек против болова

M
vitamin
витамин

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chует rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

M
srčani udar
срчани удар

M
virus
вирус

F
bakterija
бактерија

M
moždani udar
моždани удар

M
dijabetes
дијабетес

F
dijareja
дијареја

M
grip
грип

M
rak
рак

F
astma
астма

M
bol u grlu
бол у грлу

F
opekotina od sunca
опекотина од сунца

F
zubobolja
зубобоља

F
alergija
алергија

F
infekcija
инфекција

M
bol u stomaku
бол у стомаку

M
špric
шприц

F
glavobolja
главобоља

M
grč
грч

F
ultrazvučna mašina
ултразвучна машина

M
rendgenski snimak
рендгенски снимак

F
štaka
штака

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

M
gips
гипс

F
invalidska kolica
инвалидска колица

M
flaster
фластер

M
urgentni centar
ургентни центар

F
povreda
повреда

M
puls
пулс

M
prelom
прелом

F
opekotina
опекотина

M
potres mozga
потрес мозга

M
test na trudnoću
тест на трудноћу

F
pilula za kontracepciju
пилула за контрацепцију

Nghề nghiệp

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

M
policajac
полицајац

F
medicinska sestra
медицинска сестра

M
doktor
доктор

M
detektiv
детектив

M
kapetan
капетан

M
predsednik
председник

M
učitelj
учитељ

M
profesor
професор

M
pilot
пилот

M
asistent
асистент

F
sekretarica
секретарица

M
advokat
адвокат

M
kuvar
кувар

M
menadžer
менаџер

M
sudija
судија

M
model
модел

M
vozač autobusa
возач аутобуса

M
taksista
таксиста

M
farmaceut
фармацеут

M
premijer
премијер

M
umetnik
уметник

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

M
preduzetnik
предузетник

M
zubar
зубар

M
vatrogasac
ватрогасац

F
stjuardesa
стјуардеса

M
programer
програмер

M
političar
политичар

M
arhitekta
архитекта

F
vaspitačica
васпитачица

M
naučnik
научник

M
tužilac
тужилац

M
konsultant
консултант

M
računovođa
рачуновођа

M
stanodavac
станодавац

M
telohranitelj
телохранитељ

M
generalni menadžer
генерални менаџер

M
vojnik
војник

N
obezbeđenje
обезбеђење

M
konobar
конобар

M
vodoinstalater
водоинсталатер

M
čistač
чистач

M
ribar
рибар

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

М
recepционер
рецепционер

М
poljoprivrednik
пољопривредник

М
električar
електричар

М
frizer
фризер

М
kasir
касир

М
poštar
поштар

М
fotograf
фотограф

М
novinar
новинар

М
autor
аутор

М
muzičar
музичар

М
pevač
певач

М
spasilac
спасилац

М
trener
тренер

М
novinar
новинар

М
glumac
глумац

М
sudija
судија

Kinh doanh

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

M
stres
стрес

F
kancelarija
канцеларија

M
novac
новац

N
odeljenje
одељење

N
osoblje
особље

N
osiguranje
осигурање

N
pismo
писмо

F
adresa
адреса

F
plata
плата

F
imejl adresa
имејл адреса

F
veb adresa
веб адреса

M
telefonski broj
телефонски број

M
potpis
потпис

M
imejl
имејл

M
veb sajt
веб сајт

F
mušterija
муштерија

M
profit
профит

M
gubitak
губитак

F
lozinka
лозинка

F
kreditna kartica
кредитна картица

F
suma
сума

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

F
sala za sastanke
сала за састанке

M
porez
порез

M
bankomat
банкомат

M-PL
ljudski resursi
људски ресурси

F-PL
IT
ИТ

F
vizit karta
визит карта

M
marketing
маркетинг

N
računovodstvo
рачуноводство

N
pravno odeljenje
правно одељење

M
poslodavac
послодавац

M
kolega
колега

F
prodaja
продаја

F
prezentacija
презентација

F
beleška
белешка

M
zaposleni
запослени

M
projektor
пројектор

M
pečat
печат

F
fascikla
фасцикла

F
koverta
коверта

F
poštanska markica
поштанска маркица

F
pošiljka
пошиљка

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

F
berza
берза

F
investicija
инвестиција

M
pretraživač
претраживач

F
kamata
камата

M
novčić
новчић

F
novčanica
новчаница

M
bankovni račun
банковни рачун

M
broj računa
број рачуна

M
zajam
зајам

Thiết bị

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

M
fotoaparat
фотоапарат

M
televizor
телевизор

M
telefon
телефон

M
klima uređaj
клима уређај

M
ventilator
вентилатор

M
radio
радио

M
usisivač
усисивач

M
toster
тостер

M
aparat za kafu
апарат за кафу

F
mašina za pranje sudova
машина за прање судова

M
čajnik
чајник

M
fen
фен

F
mikrotalasna
микроталасна

F
perna
перна

M
šporet
шпорет

M
daljinski upravljač
даљински управљач

F
mašina za veš
машина за веш

M
frižider
фрижидер

F
tastatura
тастатура

M
miš
миш

F
slušalica
слушалица

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

M
skener
скенер

F
USB fleš memorija
УСБ флеш меморија

M
tvrdi disk
тврди диск

M
laptop
лаптоп

M
ekran
екран

M
štampač
штампач

M
zvučnik
звучник

M
robot
робот